

**KHÓA ĐỊNH LOẠI CÁC LOÀI TRONG CHI CÁP – *Capparis* L.
THUỘC HỌ MÀN MÀN (CAPPARACEAE Juss.) Ở VIỆT NAM**

SỸ DANH THƯỜNG

Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên

Công trình nghiên cứu đầu tiên có hệ thống về chi Cáp ở Việt Nam là của Gagnepain (1908) trong “*Thực vật chí đại cương Đông Dương*” (Flore General de L’Indo-chine). Tác giả đã lập khóa định loại, mô tả đặc điểm hình thái cho 22 loài thuộc chi này. Đến năm 1943, trong “*Supplément Flore générale de L’ Indo-Chine*”, ông đã chỉnh lý một số thông tin và bổ sung một số taxon, nâng tổng số loài thuộc chi *Capparis* là 37 loài. Sau công trình này, còn một số công trình nghiên cứu phân loại khác như: Phạm Hoàng Hộ (1970) trong “*Cây cỏ Miền Nam Việt Nam*” đã tóm tắt đặc điểm nhận biết cho 14 loài thuộc chi Cáp. Đến năm 1999 trong “*Cây cỏ Việt Nam*” ông đã chỉnh lý danh pháp và bổ sung một số loài, đưa tổng số taxon của chi Cáp ở Việt Nam là 27 loài, 6 phân loài, 2 thứ. Nguyễn Tiến Bản & D. I. Dorofeev (2003) trong “*Danh lục các loài Thực vật Việt Nam*” đã tóm tắt các thông tin ngắn gọn như tên khoa học, tên Việt Nam, tên đồng nghĩa, phân bố, dạng sống và sinh thái, giá trị sử dụng (nếu có) của 30 loài, 4 phân loài, 2 thứ thuộc chi này. Bên cạnh đó, còn có một số công trình nghiên cứu khác về chi Cáp, nhưng chỉ ở mức độ nghiên cứu sơ sài, mang tính chất thống kê, chưa đề cập nhiều đến thay đổi về danh pháp của các taxon. Trong quá trình nghiên cứu họ Màn màn ở Việt Nam, chúng tôi đã xác định được hiện nay chi Cáp ở Việt Nam có 36 loài, 3 phân loài và 2 thứ. Trên cơ sở đó, chúng tôi tiến hành xây dựng khóa định loại các loài thuộc chi Cáp có ở Việt Nam.

I. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu: Là các loài trong tự nhiên (mẫu tươi sống), các tiêu bản khô của chi Cáp ở Việt Nam cũng như ở nước ngoài được lưu giữ tại các phòng tiêu bản của các Viện nghiên cứu và trường đại học như Phòng tiêu bản thực vật, Trường Đại học Khoa học tự nhiên – Đại học Quốc gia Hà Nội (HNU); Phòng tiêu bản thực vật (HN), Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, Viện Sinh học nhiệt đới T.p. Hồ Chí Minh (VNM); Phòng tiêu bản, Viện Dược liệu, Bộ Y tế (HNPM); Phòng tiêu bản, Đại học Dược Hà Nội (HNPI); Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam; Bảo tàng Tài nguyên rừng Việt Nam – Viện Điều tra quy hoạch rừng (VFM).

Phương pháp nghiên cứu: Chúng tôi sử dụng phương pháp hình thái so sánh để nghiên cứu đặc điểm các loài thuộc chi Cáp ở Việt Nam. Khóa định loại được xây dựng theo kiểu khóa lưỡng phân.

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Khóa định loại các loài thuộc chi Cáp (*Capparis* L.) ở Việt Nam

- 1A. Hoa xếp thành hàng trên nách lá mang 1-7 hoa
- 2A. Cuống bầu dài 3-5mm..... **1. C. beneolens**
- 2B. Cuống bầu dài từ 1,2 cm trở lên
- 3A. Thân không có gai hoặc gai tiêu giảm
- 4A. Cuống lá dài 1-2 mm, gốc lá hình tim. Cuống hoa bằng hay ngắn hơn 1 cm.....
.....**2. C. subsessilis**
- 4B. Cuống lá dài từ 5 mm trở lên, gốc lá không hình tim. Cuống hoa dài hơn 1 cm
- 5A. Quả có kích thước 2,8 x 2,4 cm, bề mặt quả nhẵn, chín có màu vàng..... **3. C. rigida**
- 5B. Quả có kích thước 0,7-1,2 cm, bề mặt quả sần sùi, chín có màu đỏ.....
..... **4. C. sabiifolia**

- 3B. Thân luôn luôn có gai.
- 6A. Lá nhẵn.
- 7A. Nhị nhiều hơn 60 **5. C. korthalsiana**
- 7B. Nhị không vượt quá 40.
- 8A. 4 cánh tràng đều có màu trắng, giá noãn 2, kích thước quả nhỏ hơn 2 cm
..... **6. C. acutifolia**
- 8B. Cặp cánh tràng dưới màu trắng, cặp cánh tràng trên có bột vàng, giá noãn 4, kích thước quả lớn hơn 3 cm.
- 9A. Kích thước lá cỡ 8-24 x 4-10 cm; cuống lá dài 1-2,2 cm. Bề mặt hạt có nếp nhăn không đều..... **7. C. micracantha**
- 9B. Kích thước lá cỡ 3,5-9,5 x 2,5-6,5 cm; cuống lá dài 5-6 mm. Bề mặt hạt có mụn
..... **8. C. radula**
- 6B. Lá có lông.
- 10A. Hoa nở trước khi có lá hoặc cùng lúc ra lá non, chỉ nhị dài 3,3-4 cm, đường kính quả 2,5-4 cm, mỗi quả mang 10-20 hạt..... **9. C. zeylanica**
- 10B. Hoa nở khi đã ra lá, chỉ nhị dài tới 2,5 cm, đường kính quả không vượt quá 2 cm, mỗi quả mang không quá 6 hạt.
- 11A. Lá già nhẵn. Cánh tràng có lông ở mặt trong
- 12A. Cây bụi đứng. Lá hình bầu dục, gân bên 5-8 cặp. Lá dài lúc đầu có lông, sau nhẵn, chóp nhọn. Hạt phần dạng dài **10. C. membranifolia**
- 12B. Cây bụi trườn. Lá hình trứng ngược, gân bên 4-5(-6) cặp. Mặt ngoài lá dài nhẵn, mặt trong có lông, chóp tù. Hạt phần dạng hơi dài **11. C. sunbisiniana**
- 11B. Lá già có lông. Cánh tràng có lông cả 2 mặt
- 13A. Gai dài 1 mm, nhị 18-20; cuống bầu dài 1,8-2 cm, có lông ở gốc; đường kính quả 0,8-1,2 cm **12. C. Pyrifolia**
- 13B. Gai dài 3 mm, nhị 15-17; cuống bầu dài 1,6-1,7 cm, nhẵn; đường kính quả 0,5 cm..... **13. C. acuminata**
- 1B. Hoa tập hợp thành cụm hoa hoặc đơn độc ở nách lá.
- 14A. Hoa mọc đơn độc ở nách lá.
- 15A. Gai cong hướng xuống; tràng màu vàng
- 16A. Cánh tràng dài 18-24 mm, nhẵn. Nhị 52-57. Hạt phần dạng dài. Quả hình bầu dục, đỉnh quả nhọn kéo dài, bề mặt quả có 5 gờ dọc..... **14. C. annamensis**
- 16B. Cánh tràng dài 8-9 mm, mặt ngoài và mép có lông. Nhị 6-12. Hạt phần dạng hơi dài. Quả hình cầu, bề mặt quả nổi nhiều mụn **15. C. flavicans**
- 15B. Gai cong hướng lên; tràng màu trắng hay xanh có bột vàng..... **16. C. siamensis**
- 14B. Hoa tập hợp thành cụm hoa
- 17A. Cuống bầu có lông
- 18A. Lá dài 1,5 cm. Cánh tràng dài 2 cm. Nhị nhiều hơn 50. Giá noãn 4
..... **17. C. Viburnifolia**
- 18B. Lá dài nhỏ hơn hoặc bằng 1,1 cm. Cánh tràng nhỏ hơn hoặc dài 1,3 cm. Nhị không vượt quá 50. Giá noãn 2-3
- 19A. Lá già nhẵn. Mỗi quả có 5-25 hạt..... **18. C. pubiflora**
- 19B. Lá già có lông. Mỗi quả có 1-4 hạt
- 20A. Gân bên 9-12 cặp. Cụm hoa ngù. Hạt có kích thước 1,5 x 0,7-1 cm . **19. C. grandis**
- 20B. Gân bên 4-6 cặp. Cụm hoa tán. Hạt có kích thước 6-8 x 3-4 mm..... **20. C. sepiaria**
- 17B. Cuống bầu nhẵn
- 21A. Cuống bầu dài từ 2 cm trở lên
- 22A. Cành nhẵn; nhị nhiều hơn 70 **21. C. koioides**

- 22B. Cành non có lông hoặc có lớp phấn trắng; nhị bằng hay ít hơn 70
 23A. Cụm hoa tán đơn hoặc tán tập hợp thành chùy
 24A. Lá đài nhẵn cả 2 mặt. Chỉ nhị dài 2,5-4,5 cm..... **22. C. versicolor**
 24B. Lá đài có lông ở mặt ngoài. Chỉ nhị dài 1 cm..... **23. C. sikkimensis**
 23B. Cụm hoa ngù hoặc chùm
 25A. Nhị 60-70. Đỉnh quả có núm nhọn **24. C. trinervia**
 25B. Nhị bằng hay ít hơn 30. Đỉnh quả không có núm nhọn
 26A. Chỉ nhị ngắn hơn 2,5 cm. Cuống bầu ngắn hơn 3 cm.
 27A. Cuống hoa dài 0,8-1,5 cm. Lá đài hình thuyền. Chỉ nhị dài 0,7-2 cm. Bầu hình trứng..... **25. C. Longestipitata**
 27B. Cuống hoa dài 2-4 cm. Lá đài hình trứng ngược. Chỉ nhị dài 2-2,5 cm. Bầu hình bầu dục **26. C. khuamak**
 26B. Chỉ nhị dài tối thiểu 3,7 trở lên. Cuống bầu dài từ 3 cm trở lên
 28A. Quả hình bầu dục, chín có màu vàng **27. C. daknongensis**
 28B. Quả hình cầu, chín có màu đỏ tía hoặc màu tím đen **28. C. gialaiensis**
 21B. Cuống bầu ngắn hơn 1,5 cm
 29A. Cành nhẵn; đài nhẵn **29. C. pranensis**
 29B. Cành non có lông ; đài có lông
 30A. Nhị 7-9; giá noãn 4..... **30. C. floribunda**
 30B. Nhị bằng hay nhiều hơn 12; giá noãn 2
 31A. Cụm hoa chùm; cành thường không có gai hoặc có gai nhưng không dài quá 1 mm..... **31. C. Assamica**
 31B. Cụm hoa tán hoặc ngù; cành có gai dài hơn 1 mm.
 32A. Lá nhẵn
 33A. Cụm hoa tán. Cánh tràng hình thuôn. Cuống bầu dài 1-1,5 cm... **32. C. diffusa**
 33B. Cụm hoa ngù. Cánh tràng hình trứng ngược. Cuống bầu ngắn, chỉ dài 1-2 mm **33. C. tonkinensis**
 32B. Lá có lông
 34A. Hạt dài 1,5 cm; cụm hoa tán..... **34. C. thorelii**
 34B. Hạt dài 6-9 mm; cụm hoa tán tập hợp thành chùy
 35A. Gai nhỏ hơn hoặc bằng 2 mm hay không có gai; lá hình trứng ngược hoặc hình bầu dục; cuống bầu dài 2-5 mm..... **35. C. erycibe**
 35B. Gai dài 2-5 mm; lá hình thuôn, hình mác hoặc hình trứng; cuống bầu dài 6-8 mm **36. C. cantoniensis**

III. KẾT LUẬN

Trên cơ sở phân tích các đặc điểm hình thái quan trọng của cơ quan sinh dưỡng (đặc điểm của thân, gai, dạng lá...) và cơ quan sinh sản (kiểu cụm hoa, đặc điểm các bộ phận của hoa, quả, hình dạng và kích thước hạt...), chúng tôi đã xây dựng được khóa định loại lưỡng phân cho 36 loài thuộc chi *Capparis* ở Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Tiên Bản & V. I. Dorofeev, 2003. Danh lục các loài thực vật Việt Nam, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội, tập 2: 415-419.
2. Chayamarit, K., 1991. Flora of Thailand, Bangkok, 5(3): 241-259.
3. Gagnepain, F., 1908. Flore générale de L' Indo-Chine, Paris, Vol. 1: 181-196.
4. Gagnepain, F., 1943. Supplement Flore générale de L' Indo-Chine, Paris, Vol. 1: 158-171.

5. **Phạm Hoàng Hộ**, 1970. Cây cỏ Miền Nam Việt Nam [An illustrated flora of South Vietnam], Sài Gòn, 1: 526-530.
6. **Phạm Hoàng Hộ**, 1999. Cây cỏ Việt Nam [An Illustrated Flora of Vietnam], 1: 588-597, Nxb. trẻ, Tp Hồ Chí Minh.
7. **Jacobs, M.**, 1960. Flora Malesiana, Netherlands, 6(1): 69-93.
8. **Jacobs, M.**, 1965. Blumea, Holland, 12(3): 385-541.
9. **Zhang, M. L., G. C. Tucker**, 2008. Flora of China, Missouri Botanical Garden Press, Vol. 7: 436-449.

**KEY TO THE SPECIES OF GENUS *Capparis* L.
(CAPPARACEAE Juss.) IN VIETNAM**

SY DANH THUONG

SUMMARY

Among the publications on taxonomy of the genus *Capparis* L. in Vietnam, the most significant is “*Flore générale de L’ Indo-Chine*”. The author introduced a key and described 22 species in Indochina. In “*Supplément Flore générale de L’ Indo-Chine*”, he edited some information and added some more taxa, counting to a total of 37 species of *Capparis* in Indochina. Pham Hoang Ho (1970) in “*An illustrated flora of South Vietnam*” reported 14 species from Vietnam. Further, in 1999, the revised version of “*An Illustrated Flora of Vietnam*”, reported 27 species, 6 subspecies and 2 varieties. Of late, Nguyen Tien Ban & D. I. Dorofeev (2003) in “*Species Checklist of Vietnam*” reported 30 species, 4 subspecies, 2 varieties of genus *Capparis*.

Present study reports 36 species of genus *Capparis* L. from Vietnam along with description and taxonomic key.